TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Khởi**
2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Hậu**, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung" thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đinh Thị Đ**, địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: **Huỳnh Văn N**, địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đinh Thị Đ trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Huỳnh Văn N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/2009. Vợ chồng có 02 người con chung là Huỳnh Minh P sinh ngày 31/7/2012 và Huỳnh Minh L sinh ngày 26/7/2016. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình; nguyên nhân là do ông N không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè về nhà lại vô cớ đánh đập bà; cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà Đ đã về quê cha mẹ ruột để ở khoảng 05 tháng nay. Nay bà Đ xin ly hôn ông N; về con chung hiện nay bà Đ đang nuôi cháu L và bà có yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu L đến trưởng thành mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng, còn cháu P thì đang sống với ông N nên tùy ông

N quyết định, nếu ông N không nuôi thì bà Đ nhận nuôi và cũng không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông N thừa nhận phần trình bày của bà Đ về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông N xác nhận vợ chồng đang sống ly thân nhau khoảng 04-05 tháng nay. Theo ông N nguyên nhân ly thân là do vợ ông (bà Đ) tự ý bỏ về quê cha mẹ ruột để ở chứ ông N không có xua đuổi; còn việc vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi trong cuộc sống hàng ngày thì không phải là lớn, vẫn có thể khắc phục được. Vì vẫn còn thương vợ con nên ông N muốn hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, đã nhiều lần ông N muốn gặp bà Đ để thương lượng hàn gắn lại cuộc hôn nhân nhưng không có cơ hội được gặp bà Đ. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Đ thì ông N không đồng ý, không muốn ly hôn. Tuy nhiên nếu bà Đ vẫn kiên quyết ly hôn thì ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung là cháu P và cháu L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng; còn về tài sản chung và nợ thì ông N xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu P cho ông N trực tiếp nuôi và giao cháu L cho bà Đ trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Đ nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên gây gỗ đánh nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông N. Riêng về phía ông N, ông có yêu cầu được hàn gắn vì ông cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, ông thừa nhận vợ chồng cũng có phát sinh những mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, nhưng ông muốn hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy yêu cầu hàn gắn, đoàn tụ gia đình vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy các con đến trưởng thành của ông N là cao đẹp, và Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành nhiều phiên hòa giải, dành thời gian hợp lý để ông N, bà Đ có cơ hội hàn gắn, nhưng bà Đ tỏ ra không quan tâm và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà Đ kiên quyết xin ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông N nữa, do đó mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2] Về con chung: Bà Đ và ông N có 02 con chung là cháu P sinh năm 2012 đang ở với ông N và cháu L sinh năm 2016 đang ở với bà Đ kể từ khi ông bà sống

ly thân nhau đến nay. Ông N thì giành quyền nuôi cả 02 cháu; bà Đ thì giành quyền nuôi cháu L; không ai đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy:

- Đối với cháu L, về tuổi đời của cháu hiện đang còn quá nhỏ, nên rất cần sự đùm bọc quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ từ phía người mẹ, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên; đồng thời pháp luật cũng có quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"* (khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình); mặt khác ở thời điểm hiện tại, bà Đ đang nuôi cháu Luân, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cháu Luân cho bà Đ trực tiếp nuôi là phù hợp;

- Đối với cháu P, từ trước đến nay và kể từ khi cha mẹ sống ly thân đến nay thì tiếp tục ở với cha và đi học ổn định, do đó để không thay đổi môi trường sinh hoạt bình thường trong cuộc sống và việc học hành của cháu P, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng, bà Đ và ông N mỗi người được quyền trực tiếp nuôi 01 cháu và không ai đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nên được coi là sự tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử không buộc phải thực hiện việc cấp dưỡng qua lại.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đinh Thị Đ được ly hôn ông Huỳnh Văn N.

- *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Minh P sinh ngày 31/7/2012 cho ông N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao cháu Huỳnh Minh L sinh ngày 26/7/2016 cho bà Đ để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông N và bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Đ và ông N, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000974, ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu